

CÂU-XÁ LUẬN SỐ

QUYỂN 28

Phẩm 8: PHÂN BIỆT ĐỊNH (Phần 1)

1. Nói rộng về định:

Tâm nhất cảnh tánh gọi là Định, phẩm này nói rộng gọi là phẩm phân biệt định, trước nói trí phẩm năng y định quả, đây là nói nhân sở y của định phẩm trí. Đã nói các trí, cho đến nay kế sẽ nói, kết trước khởi sau, trong đó trước nói về Tĩnh lực là thế nào? Phẩm này đại văn có hai: Một là định sở y của đức; hai là các công đức tánh. Ở đây nói định sở y của đức, trong đó có bốn: Tĩnh lực, Vô Sắc đẳng chí, đẳng trì, đây là phần Tĩnh lực thứ nhất, có ba: Hỏi, đáp và giải thích, đây là hỏi.

Luận chép: Cho đến Tĩnh lực khác nhau, trước nói về lý do Tĩnh lực, các công đức phần nhiều y theo bốn pháp này, ở đây gồm có bốn thứ là Sơ, Nhị, Tam, Tứ, nếu bốn tên gọi Luận Chánh Lý chép: Há các Tĩnh lực không như từ v.v... bất cộng gọi là tướng. Mà nay y theo bốn số như sơ... mà kiến đặt tên khác nhau, trong đây chẳng phải không có bất cộng gọi là tướng, nhưng không chỉ riêng bao gồm tên một địa, do các Tĩnh lực đều có hai thứ là định và sinh vì có khác nhau. Các sinh Tĩnh lực như trước đã nói, nghĩa là đệ tứ có tám, ba thứ trước mỗi loại đều có ba, không có tên khác, giải thích chung một địa. Tướng của các Tĩnh lực không khác, nói chung là bốn thể này đều thuộc tánh thiện, tâm nhất cảnh tánh dùng thiện đẳng trì làm tự tánh. Hoặc năm uẩn giúp nhau làm tánh, hai thứ này giống nhau khó biết khác nhau, tướng tuy không khác mà địa có khác, là nói lên địa khác y theo số nêu tên gọi, là Sơ thiện cho đến thiện thứ tư. Như trên là văn luận. Mỗi loại có hai cho đến năm uẩn làm tánh, bốn Tĩnh lực mỗi Tĩnh lực đều có hai thứ sinh và định, sinh là mười bảy tầng trời, định là thiện đẳng trí, gọi là tâm nhất cảnh tánh và năm uẩn.

2. Thế nào là nhất cảnh tánh:

Luận chép: vì sao gọi là nhất cảnh tánh là Kinh bộ hỏi, đó là chuyên một sở duyên, là Hữu Bộ trả lời. Nếu vậy tức là tâm cho đến pháp tâm sở khác, là kinh bộ hỏi, hoặc chuyên một sở duyên gọi là định, tâm chuyên cảnh y theo đó kiến lập, ba vương này là Tam-ma-địa. Không nên phân biệt có pháp tâm sở khác gọi Tam-ma-địa, Hữu Bộ trả lời pháp khác khiến tâm cho đến chẳng phải thể tức tâm. tâm chuyên một cảnh do biệt tâm sở, khiến cho tâm vương đối với một cảnh chuyển gọi là Đẳng trì, chẳng phải thể tức tâm. Luận chép: chẳng lẽ không có các tâm cho đến đâu cầu đẳng trì? Là Kinh bộ hỏi? Tâm vương vương này Sát-na diệt đều một cảnh chuyển pháp tánh tự như thế, cần gì đẳng trì khiến một cảnh chuyển, là câu vặn hỏi thứ nhất. Hoặc cho rằng khiến tâm cho đến đẳng trì vô dụng, là câu vặn hỏi thứ hai, hoặc nói niệm trước đẳng trì, khiến tâm đối với niệm thứ hai, cũng đồng trước duyên một cảnh chuyển. Tâm trước khiến tâm sau đồng một cảnh chuyển, cần gì đẳng trì tương ứng tâm sau. Lại do đây cho đến tâm đối với một cảnh chuyển, là câu vặn hỏi thứ ba, như trong tâm sở chắc chắn có tán vị, tán vị chẳng phải định, do tu tập. Tam-ma-địa thành gọi là tâm nhất cảnh. Sao không dùng sức tu tập này khiến tâm một cảnh chuyển. Tam-ma-địa cho đến đều một cảnh chuyển, là câu vặn hỏi thứ tư, tâm sở đẳng trì là pháp đại địa có cả định và tán kia. Vì sao tán vị tâm loạn, định vị một cảnh? Vì không như vậy thì các phẩm đẳng trì yếu kém, là Hữu Bộ giải thích câu vặn hỏi thứ tư. Luận Chánh Lý thì chủ ý của kinh trong đây tự đặt câu hỏi Đáp, sao gọi là một cảnh tánh đó là chuyên một sở duyên, kia trả lời phi lý. Hai thức Nhãn và ý nếu đồng một sở duyên lẽ ra gọi là nhất cảnh tánh, hoặc chỉ nương một căn sở y, chuyên một sở duyên gọi là nhất cảnh tánh. Chẳng lẽ không phải một niệm không đối sở duyên, lẽ ra trong tất cả tâm đều có một cảnh tánh. Kỳ thật đều có từng Sát-na pháp tâm, tâm sở vì một cảnh chuyển nhưng chẳng phải tất cả đều được gọi là định, vì trong đây nói một cảnh tánh. Chỉ vì nói lên nhờ thắng đẳng trì khiến thiện tâm, tâm sở nối tiếp mà chuyển. Nếu như thế thì tâm nương một căn chuyển, dẫn cho đến duyên tự cảnh, ngoài ra tâm liên tục sinh thì gọi là tâm nhất cảnh tánh, lẽ ra lìa tâm không có đẳng trì riêng, câu vặn hỏi này không đúng, như trước đã nói. Nghĩa là trong phần nói rộng về tâm sở ở trước đã nói về đẳng trì, vặn hỏi này không đúng, như trước đã nói.

3. Nói về chấp của Sư kinh bộ:

Nếu tâm thể tức Tam-ma-địa khiến tâm tác v.v... thì lẽ ra cũng không phân biệt, vì nhân duyên khác nhau không thật có, theo Kinh bộ

khiến tâm tác v.v... bèn chấp nhận có tâm sở tư.. riêng làm tâm đồng cảnh, nhân gì không thanh tịnh. Có Luận sư nói bốn Tĩnh lực, nói về chấp của Sư Kinh bộ, Luận sư dẫn kinh nói định học là tăng thượng tâm học, nói bốn Tĩnh lực là tâm thanh tịnh trên hết, chứng định tức là tâm. Dựa vào nghĩa nào mà đặt tên Tĩnh lực? Hữu Bộ trả lời do vắng lặng dùng tuệ làm thể. Vắng lặng là định, năng xét nghĩ là tuệ, xét nghĩ là nghĩa thật rõ biết. Biết rõ là tuệ. Như nói tâm ở định có thể biết rõ như thật, trong nghĩa xét nghĩ đặt để địa giới, xét nghĩ, tiếng phạm là chấn-đa là chữ duyên, chữ này duyên đặt địa giới kia, biến chấn đã trước thành Đà-nam, Đà-nam dịch là Tĩnh lực, Đà-nam xưa dịch Thiền na là sai.

Luận Chánh Lý y theo nghĩa gì đặt tên Tĩnh lực? Vì y theo nghĩa Tĩnh lực này mới có thể xét nghĩ, xét nghĩ rõ nghĩa đúng như thật. Như nói tâm ở trong định, có thể rõ biết như thật, trong nghĩa Tĩnh lực đặt để địa giới, nương lời dạy giải thích lý đây là ngưng tịch, suy nghĩ so sánh cảnh xứ được gọi Tĩnh lực, vì định khiến tuệ sinh không được loạn. Có thuyết nói định này giữ gìn thắng biến duyên, như lý suy nghĩ nên gọi là Tĩnh lực, nói thắng là để phân biệt cõi Dục, khắp duyên phân biệt với Vô Sắc. Như lý suy nghĩ phân biệt với điên đảo, có thể giữ gìn định này là diệu đẳng trì. Diệu đẳng trì này gọi là Tĩnh lực, nói lên chỉ quán ngang bằng hành không điên đảo đẳng trì, mới gọi là Tĩnh lực.

Luận Bà-sa quyển một trăm bốn mươi một chép: Hỏi vì sao bốn duyên gọi là Tĩnh lực? Đáp tính là vắng lặng, lực là trừ lực, trong bốn địa này định tuệ bình đẳng nên gọi là Tĩnh lực, ngoài ra hề có thiếu duyên nào đều không được tên này. Nếu như vậy các đẳng trì đều gọi Tĩnh lực, không như vậy chỉ có thắng cho đến cũng được gọi tên. Luận chép: Tĩnh lực vì sao chỉ gọi là thắng, trong các đẳng trì cho đến chỉ gọi là Tĩnh lực, trả lời lý do riêng gọi là Thắng. Nếu vậy, nhiễm ô đều được tên gọi này, hoặc dùng chữ Thắng như trên nên chỉ gọi xét nghĩ. Vị định là nhiễm, vì sao cũng được gọi là Tĩnh lực? Hữu Bộ trả lời do kia cũng có thể tà Tĩnh lực, cho nên lẽ ra có lỗi thái quá. Tâm nhiễm ô xét nghĩ thù thắng hơn các tán thiện, có lỗi thái quá, không có lỗi thái quá cho đến có ác Tĩnh lực.

4. Nếu ví dụ:

Như hạt giống thối, tuy không có công năng nảy mầm nhưng được gọi là hạt giống, các thứ đất nhiễm... chẳng phải cũng như thế, tuy khác nhau với thiện phẩm lực, do Tĩnh lực được gọi tên Tĩnh lực lý này chứng minh Thế Tôn cũng nói có ác Tĩnh lực, dẫn giáo lý chứng minh, hoặc một tánh cảnh cho đến Sơ, Nhị, Tam, Tứ, là hỏi, hoặc một tánh cảnh

là Tĩnh lự thì tướng không khác nhau, nương tướng gì phân biệt lập Sơ, Nhị, Tam, Tứ. Đủ từ hỷ lạc cho đến mà không chung với tâm, là nói sơ định có đủ tâm tứ hỷ lạc. Bài tụng chỉ nói tứ, do biểu thị tâm chung, do tứ có hỷ lạc, vì định có tâm, vì trung gian Tĩnh lự không có hỷ lạc, từ cái khác có tứ, hiển bày có tâm. Dần dần lia chi trước cho đến chia làm bốn thứ, là nói lý do lập ba thứ còn lại, lia tứ khác ban đầu lập cái thứ hai lia hai thứ hỷ và tứ khác với hai thứ trước lập thứ ba. Là tứ, hỷ, lạc khác ba thứ trước lập thứ tư.

Đã nói Tĩnh lự Vô Sắc như thế nào? Dưới đây hai hàng rưỡi tụng là thứ hai, nói về bốn Vô Sắc, cho đến cũng như vậy, là nói về Vô Sắc bốn đồng với sinh định hai. Thiện tánh bình đẳng đồng với Tĩnh lự ở trước nên trong bài tụng cũng nói như thế, nhưng trong trợ giúp tùy chuyển sắc, ở đây nói khác. Tuy một cảnh tánh cho đến lập phi tướng phi phi tướng xứ, nêu lý do chia làm bốn, lia là nghĩa gì? Luận chép: Nghĩa là do đạo này lia nhiệm cõi dưới.

5. Nêu sự đồng khác:

Nói lia sinh có hai nghĩa một là pháp nhiệm gọi là sinh, hay bị lỗi lầm, cũng như thức ăn sống vào bụng, hai là thọ sinh, lúc lia địa nhiệm hai thứ sinh lỗi đều có thể lia. Bốn căn bốn này cho đến đặt tên Vô Sắc nêu sự đồng khác, bốn sắc này ba thứ trên cần phần không duyên sắc nên gọi là trừ sắc tướng. Không xứ cận phần do duyên sắc nên chẳng trừ sắc tướng. Nhưng bốn căn bốn, bốn sắc cận phần, tuy duyên sắc khác nhau, đều là Vô Sắc, nên đồng gọi là Vô Sắc. Nhân này không thành hữu sắc. Đại chúng bộ, Hóa địa bộ đều gạn hỏi, ông dùng Vô Sắc nên đều gọi Vô Sắc, nhân của Vô Sắc, tông ta không chấp nhận, vì thừa nhận có sắc nên không thành lỗi.

Nếu vậy vì sao đặt tên Vô Sắc. Hữu Bộ hỏi lại đã nói có sắc, vì sao trong kinh nói Vô Sắc? Do sắc đó rất nhỏ cũng gọi là không có màu vàng. Đại chúng bộ trả lời, chấp nhận sắc trong giới kia có tướng gì, là Hữu Bộ trách sắc tướng, nếu kia chỉ có cho đến làm sao có tạo sắc, dù cho chấp phá, hoặc cho là như có cho đến cũng ngăn cái có, là phá nghĩa chống chế. Đại chúng bộ v.v... chống chế rằng: Như có luật nghi vô lậu, không có vô lậu đại chúng, tông ta không có luật nghi thân ngữ ở cõi Sắc, không có đại chúng riêng. Phá rằng: Không đúng vô lậu tuy không có đại chúng vì nương đại chúng hữu lậu, tông ông không thể nói không có sắc luật nghi y vào đại chúng cõi Sắc giới địa khác nhau. Tông ta cũng ngăn, không có luật nghi vô lậu ở cõi Sắc.

Hoặc chấp nhận đối với kia cho đến sắc kia dần ít, lại phá chuyển

chấp, nếu cho rằng kia cho đến không thể thấy, đây là phá chống chế, hoặc thân kia cho đến lẽ ra là không có sắc, lại phá chuyển chấp, hoặc rằng thân kia cho đến có hơn kém lại bác bỏ chống chế. Sinh Tĩnh lự cho đến không gọi là Vô Sắc đây lại phá, lời văn rất dễ hiểu. Theo Luận Chánh Lý lại sinh Tĩnh lự, cho đến địa trên đối với địa dưới thanh diệu càng tăng, chẳng phải căn cơ địa dưới có thể chấp lấy, đâu khác với kia, không gọi là Vô Sắc? Hoặc cho rằng sắc ở cõi Dục cho đến đây có lý gì? Lại phá chống chế, Đại chúng bộ chống chế rằng: Tuy trong cõi Sắc địa trên thanh diệu địa dưới lẽ ra gọi Vô Sắc, nhưng tùy nghĩa khác đặt tên. Không gọi là Vô Sắc, Vô Sắc không như thế, ở đây có lý gì? Hoặc nói kinh nói cho đến có sắc lý thành, là nhắc lại đại chúng bộ dẫn kinh khác chứng minh, vì thọ noãn hợp là một kinh, vì noãn thành sắc. Sắc và thức nương nhau, là kinh thứ hai, danh sắc làm duyên, là kinh thứ ba, vì ngăn lìa sắc có tới lui, là kinh thứ tư. Dùng bốn kinh này chứng minh cõi Vô Sắc chắc chắn có sắc, chứng minh không thành, nên phải xét nghĩ, vả lại đều là lỗi, giáo được dẫn phải cùng suy xét, khuyên Đại chúng bộ xét nghĩ.

6. Dẫn kinh chứng minh:

Khế kinh nói cho đến là nói theo cõi Dục, khiến suy nghĩ kinh thứ nhất, danh sắc và thức cho đến y theo dục sắc mà nói khiến suy nghĩ kinh thứ hai. Đã nói danh sắc cho đến không duyên thức, khiến suy nghĩ kinh thứ ba, ngăn lìa sắc cho đến hành đến là ngăn lìa tất cả khiến suy nghĩ kinh thứ tư. Bốn kinh này đều có cả hai giải thích, không thành nghĩa chứng minh, nếu cho rằng Khế kinh cho đến có lỗi lớn, là lược phá chống chế, lẽ ra ngoài noãn cũng hợp với thọ là nêu lỗi lớn của kinh thứ nhất, hoặc dùng kinh không phân biệt, khiến tất cả thọ đều hợp với noãn, vì kinh không phân biệt lẽ ra tất cả noãn đều hợp với thọ. Vì sao ngoài noãn mà không hợp với thọ, lại ngoài danh sắc y thức thức làm duyên, nêu lỗi thứ hai và thứ ba. Hoặc do kinh không phân biệt thì làm tất cả trước đều nương với danh sắc, là bác bỏ lỗi thứ hai. ngoài danh sắc thức làm duyên kinh thứ ba, kinh đều không phân biệt lẽ ra tất cả danh sắc đều nương thức và duyên với sắc, tức là ngoài sắc và bốn tướng nên nương với thức, là lỗi duyên thức.

7. Dẫn ví dụ để bác bỏ:

Lại nói bốn thực cho đến lẽ ra có đoạn thực, là dẫn thí dụ để bác bỏ, kinh nói bốn thực như bốn thức trụ, kinh không phân biệt. Cõi Sắc, Vô Sắc lẽ ra có đoàn thực có bốn thức trụ, kinh không phân biệt, nếu cho rằng kinh nói cho đến không có lỗi này, dẫn hai kinh chống chế,

do kinh nói một loại trời siêu vượt đoàn thực, nên biết cõi Sắc, cõi Vô Sắc không có đoàn thực. Tầng trời đó dùng hỷ làm thức ăn, không như hai cõi trên có lỗi đoàn thực, đây là nêu ý của Đại chúng bộ. Văn đoạn trước đã dẫn tuy không có phân biệt, chỉ có hai văn này là có phân biệt, nên biết hai cõi trên chắc chắn không có đoàn thực vì cõi Dục, cõi Vô Sắc đều siêu vượt, dẫn ba kinh y theo đoàn thực chứng minh cõi Vô Sắc không có sắc, nếu cõi Vô Sắc siêu vượt sắc tướng v.v... lại gạn hỏi Đại chúng bộ, nếu quán hạ lẽ ra cũng chấp nhận như thế là phá chống chế. Vô Sắc tướng v.v... quán đối với hạ thô, không có thô sắc tướng gọi là Vô Sắc tướng v.v...

Nói không có đoàn thực lẽ ra cũng không có thô, chỉ có tế đoàn thực. Lại các Tĩnh lự cho đến gọi là cõi Vô Sắc lại bác bỏ chống chế. Hoặ dùng quán hạ thô sắc gọi là Vô Sắc, sắc tế cõi Dục trong bốn Tĩnh lự, cũng có thể nói ra khỏi sắc, cõi Sắc cũng gọi là cõi Vô Sắc, Luận chép: lại cũng nên nói cho đến chẳng phải vượt qua thọ, là lại phá. Hoặ cho rằng quán sắc thô gọi ra khỏi sắc, Vô Sắc thọ nhỏ nhiệm, cõi Sắc thọ thô, siêu vượt hạ thô thọ lẽ ra gọi là ra khỏi thọ, kinh đã không nói ra khỏi thọ, cho nên biết trong Vô Sắc chỉ khắp vượt loại sắc, chẳng vượt thọ, do đó chắc chắn biết cõi kia không có sắc, đây là tổng kết thành nghĩa tự tông.

Nhưng Khế kinh nói chẳng xuất hoàn toàn là giải thích vấn mạn. Ý vấn mạn hoặ cõi Vô Sắc không có sắc lẽ ra không có sắc hữu xuất nơi sắc hữu. Vì sao kinh nói có không ra khỏi có. Có ba giải thích.

1. Tự địa có khi không thể ra khỏi tự địa có, tức là đạo hữu lậu của tự địa, không thể dứt hoặ tự địa, vì phải nhờ địa trên mới dứt được. Chẳng phải biến xuất tuy địa trên có xuất địa dưới có, mà không thể xuất phi tướng hữu. Tuy có thể xuất địa dưới hữu, hậu định lui sụt nên chẳng xuất hoàn toàn. Nương lý như thế thuyết có không ra khỏi có. Đức Bạc-già-phạm cho đến nói có sắc, lại dẫn kinh chứng minh, cho nên không sở lập không có lỗi bất thành, là tổng kết văn trên, do không có sắc nên gọi là Vô Sắc, nhân chẳng có lỗi bất thành.

2. Dẫn kinh chứng minh:

Ở nhiều kiếp kia cho đến sắc từ đâu sinh, là đại chúng bộ gạn hỏi? Đây từ tâm sinh cho đến từ tâm kia sinh kinh bộ trả lời, từ sắc dị thực nhờ công năng hạt giống mà sinh. Đại chúng bộ lại gạn hỏi không có sắc thân tâm nương vào đâu chuyển? Kia đã không có sắc, tâm nương vào đâu chuyển, lia thân sao không chuyển, Hữu Bộ v.v... lại hỏi Đại Chúng bộ? Đại Chúng bộ trả lời không hề thấy. Cõi sắc không có đoàn

thực vì lìa đoàn thực chuyển, dẫn ví dụ để gạn hỏi đại chúng bộ, trước nói tâm kia sở y chuyển, nêu giải thích trước. trước nói tâm nương thọ chuyển, đã giải thích tên chung, kết tên gọi bốn Vô Sắc.

Không vô biên v.v... cho đến có được tên riêng chẳng? Là hỏi tên riêng. Nếu không như thế tại sao kiến lập ba tên gọi? Ba Vô Sắc trước từ gia hạnh làm tên đối với gia hạnh vị thắng giải, vì tư duy hư không đẳng gọi là Không vô biên đẳng, cho đến giai vị thành mãn cũng duyên các pháp, nên Chánh Lý chép: Hoặc có pháp tùy chung với sắc mà tự thể kia không y thuộc sắc các cõi đối với sắc tìm cầu ra khỏi, đầu tiên phải suy tư pháp kia. Đó là thể của hư không tuy chung với sắc mà đối đãi sắc không có mới được hiển rõ, ngoài pháp bao gồm vô biên tướng kia. Lúc đó suy nghĩ để có thể lìa sắc, nên gia hạnh vị tư duy hư không, lúc thành tùy ứng cũng duyên các pháp, chỉ từ gia hạnh thành mà đặt tên gọi này. Trong thuần tịnh sáu loại thức thân có thể biết rõ, khéo nhận lấy tướng đã an trụ thắng giải, do năng lực giả tướng, tu duy, quán sát vô biên thức tướng, do gia hạnh này trước tiên đã thành. Tùy theo sự thích ứng kia cũng duyên các pháp, chỉ trừ gia hạnh kiến đặt tên này, đó là thấy vô biên hành tướng thô động, vì muốn nhằm xả khởi hạnh này, do vậy xứ này gọi là trên hết, trong đó không tạo tác vô biên hành tướng, tâm đối với sở duyên xả các sở hữu, vắng lặng an trụ. như trên là văn luận.

Đặt tên gọi thứ tư cho đến gọi là Phi phi tướng, do tướng yếu kém, vô minh thắng tướng được gọi là phi tướng, có tướng yếu kém gọi là phi phi tướng, tuy lúc gia hạnh cho đến gia hạnh đặt tên, là nói lúc gia hạnh quán căn bốn khởi giải Phi tướng Phi phi tướng, không từ gia hạnh làm tên từ căn bốn tướng yếu kém làm tên.

8. Giải thích lý do:

Hoặc gạn nói cho đến đặt tên chánh nhân, là giải thích lý do không từ gia hạnh đặt tên, ba thứ trước không có sắc gia hạnh lúc tâm suy nghĩ vô biên không đẳng. Nhưng thật ra căn bốn chẳng thường, duyên không, do đó đặt tên từ gia hạnh kia không từ căn bốn gia hạnh, vì không duyên căn bốn tác hành giải. Trong vị Phi tướng Phi phi tướng xứ gia hạnh, duyên căn bốn địa yếu kém tướng tác niệm như vậy, vô minh thắng tướng có tướng yếu kém, niệm này nương căn bốn khởi, tức là chánh đặt tên nhân. Do tướng yếu kém nên từ căn bốn không từ gia hạnh. Đã nói Vô Sắc thế nào là Đẳng chí, dưới đây là hai hàng kệ tụng là thứ ba, nói về đẳng chí, văn có mười hai:

1. Nói về ba thứ khác nhau như tịnh v.v...

2. Nói về đủ chi nhiều ít.
3. Nói về bất động.
4. Nói về thọ nhiều ít.
5. Nói về giúp thức.
6. Nói về Hai đắc.
7. Nói về sinh nhau.
8. Nói về Y thân.
9. Nói về Sở duyên.
10. Nói về dứt hoặc.
11. Nói về Cận phần.
12. Nói về Trung định. Đây là thứ nhất nói về ba thứ khác nhau như tịnh v.v...

9. Giải thích chung tám địa:

1. Vì không có vô lậu, là giải thích chung tám địa, bảy địa trước có ba, hữu dẫn chỉ có hai không có vô lậu. Sơ vị đẳng chí cho đến đây được gọi là vị, là giải thích vị định thứ nhất, đây là nói đẳng trì tương ứng với ái, ái mê đắm vị định cũng gọi là vị. Luận Chánh Lý chép: Ái tương ứng nói nương tự tánh, vì dùng Đẳng trì làm tự tánh. Hoặc trợ giúp nên nói ái có cả pháp cũng gọi vị đẳng chí. Vì sao các hoặc tương ứng không gọi là định? Đáp Luận Chánh Lý chép: Chuyên chú không dời đổi mới gọi là định, ái tương ứng định, cũng chuyên một cảnh nên được gọi là định, hoặc khác tương ứng thì không như thế, đó là các phiền não đối với tự sở duyên không thể khiến tâm chuyên chú như ái, nên Tam-ma-địa hoặc có cả ái, chuyên chú một duyên tương tự với thiện. Tịnh đẳng chí cho đến được tên gọi này, thứ hai là nói về tịnh định, hữu lậu và vô lậu khác nhau, tức là sự phân biệt của thế gian. Tịnh nên chẳng phải vị, tức là thiện, là sự phân biệt của danh, tương ứng với các bạch pháp như vô tham v.v... nên gọi là tịnh, là giải thích tên Tịnh, tức vị tương ứng cho đến càng sinh vị mê đắm, trình bày tịnh là vị đẳng, vị chỉ duyên tịnh, y theo trong duyên tịnh, chỉ duyên quá khứ lui sụt tịnh định, không duyên hiện tại và vị lai. Hiện tại không có tịnh định. vị lai tịnh chưa hề lãnh thọ, đây là nói chấp nhận sinh vị định, chẳng phải tất cả sinh.

Chỉ lui sụt phần định và một phần trong dục, vì dường như thối sinh, cảnh cũng như thế, lại thối phần định chưa chắc là định lui sụt, năm chủng tánh trước chẳng phải định lui sụt, vì người này đều thành thối phần định. lúc đó tuy gọi là cho đến được gọi là nhập là nói về xuất nhập, vị định phi định dường như gọi là định do đó cũng gọi nhập vị định. Luận Chánh Lý chép: các pháp từ định xuất đều có năm thứ đó

là xuất địa, xuất Sát-na, xuất hành tướng, xuất sở duyên, và xuất chủng loại từ sơ Tĩnh lự nhập đệ nhị đẳng gọi là xuất địa, đối với đồng một địa hành tướng sở duyên nối tiếp chuyển vị, niệm trước Vô Gián nhập vào niệm sau gọi là xuất Sát-na. Từ hành tướng vô thường nhập hành tướng khổ v.v... gọi là xuất hành tướng, từ duyên sắc uẩn nhập duyên thọ gọi là xuất sở duyên. Từ hữu lậu nhập vô lậu, từ nhiễm ô nhập vào nhiễm ô gọi là xuất chủng loại.

Y theo xuất chủng loại, trong đây nói từ sở vị xuất nhập định năng vị, chẳng lẽ không hai lại trái nhau. Năng vị là ái chẳng phải định sở nhập, sở nhập là định không gọi là năng vị, vì sao nói nhập năng vị định. Không có lỗi trái với, hiện thất tương ứng tùy nêu bất cứ một tên nào để nói câu phẩm.

10. Nói về định Vô lậu:

Như khuyên Trưởng giả tác ý ghi nhớ phân biệt, xen lẫn nhau nên đều được hai tên gọi. Do ái tương ứng đẳng trì gọi là vi, nhờ năng lực đẳng trì nên ái được gọi là định, nên không có hai lỗi trái nhau. Định vô lậu cho đến chẳng phải chỉ mê đắm, thứ ba là nói về định vô lậu lời văn rất dễ hiểu, như thế đã nói tám đẳng chí, trở xuống thứ hai là nói về cụ nhiều chi ít, trong văn có hai, đó là bốn chi và nhiễm vô chi trong hữu chi có hai: Một là bốn định chi có nhiều ít; hai là chi thể. Hai hàng tụng này là thứ nhất nói về chi Tĩnh lự nhiều ít. Luận chép: cho đến năm đẳng trì nói về tịnh và vô lậu, sơ Tĩnh lự có đủ năm chi. Trong đây đẳng trì cho đến nghĩa như trước đã giải thích, hợp danh và thể, theo truyền thuyết chỉ là định cho đến chẳng phải Tĩnh lự, là nêu tông Bà-sa. Nghĩa như thật cho đến nên biết cũng vậy, là Luận chủ chánh giải thích, như bốn chi quân không thể nói riêng một chi là quân cũng quân chi. Các chi Tĩnh lự nên biết cũng thế.

Luận Chánh Lý chép: Sư Tỳ-bà-sa nói về Tĩnh lự địa đẳng trì trên hết, nên nói Tam-ma-địa là Tĩnh lự cũng là chi Tĩnh lự. Như bốn chi quân cũng không có lỗi, như vua và chúng tụy giúp đỡ lẫn nhau mà vua trong đó là bậc nhất. Tĩnh lự thứ hai cho đến bốn đẳng trì khác nhau, là giải thích chi Tĩnh lự thứ hai, nói tịn gọi là nội đẳng trì, Chánh Lý giải thích tịn là tịnh tướng nên gọi là tịnh. Như phèn lóng nước khiến cho tâm tịnh, nội tâm bình đẳng là duyên sinh, do vậy tịn căn gọi nội đẳng tịnh, hoặc tất cả công đức của định thứ hai, bình đẳng là duyên dẫn sinh tịnh này, do đây đặt tên là Nội đẳng tịnh. Như trên là văn luận.

11. Giải thích các Tĩnh lự:

Tĩnh lự thứ tư cho đến năm đẳng trì, là giải thích Tĩnh lự thứ ba chi

nhiều ít. Tĩnh lực thứ tư cho đến bốn đẳng trì, là giải thích chi định thứ tư, hành xả và niệm gọi là thanh tịnh. Ý luận Chánh Lý cho rằng: Trong định thứ tư xả bỏ lạc, xả niệm được tên thanh tịnh, chi ở đây gọi là nghĩa gì, gọi là nghĩa do hiển thành, tại sao hiển thành, đó là hiển thành sơ Tĩnh lực, cho đến Tĩnh lực thứ tư này, hoặc chi này thuận theo nghĩa, mười tám chi đều thuận tự địa, hoặc nghĩa tự cụ gọi là Chi.

Như chi tế tự là trâu, ngựa... là tâm, tứ v.v... lần lượt giúp nhau, vì sao gì sơ và ba đều có đủ năm chi, thứ hai và thứ tư chỉ có bốn chi. Hoặc do cõi Dục nhiều các pháp ác năm dục hấp dẫn khó dứt khó xả. Đệ nhị trong địa hỷ, tướng kia, động dững, cùng tốt trong hỷ năm bộ ái khó xả khó đoạn, vì đối trị kia, nên sơ, tam đều có năm chi, nhị tứ không như thế nên ngoài ra đều có bốn, lại giải thích thuận theo siêu đẳng. Lại nói khinh an, hành xả có cả bốn Tĩnh lực, vì sao sơ nhị chỉ lập khinh an, trong hai địa sau chỉ xếp vào hành xả, vì đây đối với kia thuận theo khắp. Đó là trong cõi Dục có các pháp ác, sơ Tĩnh lực địa có tâm tứ tướng năng bức não tâm, giống như mũi tên độc, sơ nhị lìa kia nên khinh an tăng.

Tĩnh lực thứ hai hỷ động rất mạnh mẽ, Tĩnh lực thứ ba lạc thọ cực tăng, cả hai đều có thể làm ái thắng sinh xứ, ba, bốn bỏ kia nên hành xả tăng. Hành xả khinh an che đậy lẫn nhau, hoặc xứ có một thứ hai liền không, khinh an trị hôn trầm tướng kia như gió động, hành xả trị trạo cử tướng nó vắng lặng. Nên khinh an và xả che đậy lẫn nhau, vì sao các địa niệm tuệ đều có mà niệm chỉ ở hai Tĩnh lực trên, tuệ ở định thứ ba mới được xếp vào chi, theo sự thích ứng kia thuận theo riêng, đó là hỷ và lạc trong ba cõi. Các hữu tình rất mê đắm vị Tĩnh lực thứ ba, vì trong sinh tử trên hết lạc, đúng lý lẽ ra lập tuệ quán sát nhằm xả, hoặc không có tuệ tự địa gốc lành không thể thành, hưởng chi tập cầu thắng, vì trị lỗi tự địa như thế, Tĩnh lực thứ ba có trên hết hỷ nhẹ nhàng hơn hỷ như La-sát ẩn hình trong định thứ ba có trên hết lạc. Như diệu dục tăng trời khó xả bỏ.

Định thứ ba, thứ tư do chi hành xả tùy theo sự thích ứng kia tuy đã xả bỏ mà sợ lui sụt khởi lập ngăn dứt, địa khác thì không như thế, nên không lập, nhưng niệm thế dụng của niệm thứ ba rất mạnh, không chỉ giúp xả, cũng không giúp tuệ, công năng trợ giúp tự tha địa, thứ tư không như thế, vì không tự biết, do thứ tư này không lập chi tuệ. Vì sao nội đẳng tịnh chỉ lập chi thứ hai. Luận Chánh Lý giải thích, nên thế của nội đẳng tịnh tức tín căn, hoặc chứng đắc Tĩnh lực thứ hai, thì đối với định địa có thể lìa. Có thâm tín sinh gọi nội đẳng tịnh, nên tuy các địa đều có tín căn mà có thể lập chi chỉ định thứ hai do nay mới tin. Các pháp

định địa pháp tán địa đều có thể là. Chi tĩnh lự gọi đã có mười tám, một hàng tụng sau là thứ hai nói về chi thể việc. Thật có năm chi tĩnh lự đầu tiên có tự thể riêng có năm việc thật đó là tầm, tứ, hỷ, khinh an và đẳng trì, Tĩnh lự thứ hai cho đến túc tiền là sáu nói Tĩnh lự thứ hai chỉ thêm một chi. Nghĩa là nội đẳng tịnh là tám, Tĩnh lự thứ ba cho đến túc tiền là mười, nói Tĩnh lự thứ ba thêm bốn chi một là hành xả, tức xả trong thiện, hai là chánh niệm niệm trong thông, ba là chánh tuệ, tuệ trong thông, bốn là lạc thọ, thọ kia hoặc y theo bảy mươi lăm pháp, thì bốn thọ đều đồng nhất, hoặc năm thọ để nói thì hỷ lạc xả đều khác nhau, nay y theo năm thọ, thì lạc thọ tăng một.

12. Nói rộng về bốn trường hợp:

Tĩnh lự thứ tư đến Túc tiền là mười một, tăng chẳng phải khổ vui, tuy xả thọ tức thọ trước, năm thọ nói nghĩa tăng trước chẳng phải khổ vui. Hoặc hợp bốn địa thọ thành một thì chín pháp là chi thể. Do đây nên nói cho đến như lý nên suy nghĩ, bốn trường hợp phân biệt, lời văn rất dễ hiểu. Vì sao thứ ba nói tăng lạc thọ, là kinh bộ hỏi? Hữu Bộ trả lời: Do thuộc sơ nhị lạc khinh an, theo luận duy thức thì sơ, nhị hỷ lạc là một thọ, nói thân tâm là khác đặt hai tên. Lý gì làm chứng biết là khinh an, gạn là hỏi Hữu Bộ vì trong Sơ, Định thứ hai không có lạc căn, là Hữu Bộ tông đáp lược, trong định không có lạc căn nên biết là khinh an lạc, chẳng phải sơ định, định thứ hai không có năm thức, dưới đây là tấn thối suy tìm, không có lạc thọ, lạc có hai thứ, thân lạc và tâm lạc. Thân thọ lạc tương ứng năm thức, trong định không có năm thức nên không có thân thọ lạc, cũng không có tâm thọ lạc nên không có lạc thọ, ở đây nói không có tâm thọ lạc.

Hai thọ Hỷ, lạc tên gọi tuy có khác, nhưng đồng là thọ, không thể một tâm hai thọ đồng khởi, đã có hỷ lạc làm sao có lạc. Vì không thể có hỷ lạc cho đến bốn chi, là ngăn chuyển chấp, hoặc hỷ lạc lại thay nhau hiện ra gọi là lạc thọ. Lúc có lạc thì không có hỷ thọ, vì sao nói có đủ bốn chi, năm chỉ. Có người nói không có cho đến bao gồm lạc căn, nêu Luận sư kinh bộ chấp, nếu thế vì sao cho đến thân tâm lạc thọ, là Hữu Bộ vặn hỏi? Kinh nói thế nào là lạc căn cho đến dẫn sinh thân tâm lạc thọ, nên biết lạc căn có thân lạc tâm lạc thọ, ngoài ra ở đây cho đến chỉ nói thân, Kinh bộ sửa đúng văn kinh. Hữu Bộ của ông thêm chữ Tâm, do vậy biết được, trong các bộ kinh khác không có chữ tâm.

13. Ý của luận Chánh lý:

Luận Chánh Lý chép: Vì sao không chấp nhận các bộ Khế kinh khác, hữu dư đối với kia xóa bỏ chữ Tâm, do Khế kinh nói định thứ hai,

v.v... vô dư thức thân tâm một cảnh. Hoặc do kia nói có thân thọ lạc trái nhau với lý như sau đây sẽ nói. Lại định thứ ba cho đến thân thọ lạc, kinh bộ và Hữu Bộ nêu ra lỗi trái kinh. Hoặc nói đối với đây có đức gì, ngăn Hữu Bộ giải thích kinh. Nếu Hữu Bộ giải thích kinh, kinh nói thân nói ý là thân chẳng phải năm căn là có đức gì cao quý, gọi là tâm. Luận Chánh Lý chép: Khế kinh nói là sở thọ lạc, nhưng không có khi năng chứng minh địa lạc căn kia chẳng thuộc tâm thọ, cũng nói ly sinh hỷ là thân sở chứng. Há có thể do đây mà chấp hỷ căn chẳng thuộc tâm thọ, hoặc cho cõi Vô Sắc, không nói thân, điều này không quyết định. Trong cõi Vô Sắc nói thân kiến, lại thấy đối với kia nói thân hoại, lại nói thân kia từ chỗ thấp kém sanh. Lại chép: Ở đây nói thân gọi có đức gì, là hiển rõ lạc thọ kia tự nội sở chứng? Địa lạc kia chẳng phải sở y, duyên sở năng hiển rõ, chỉ chứng tự nội, hiển cùng tốt trong lạc thọ, cũng thấy đối với tự thuyết dùng thân tinh, như nói do thân chứng cam lộ giới, là tự chứng cam lộ giới, (như trên là văn luận).

Lại, Định thứ tư cho đến có chi lạc, nêu có thắng không nói khó, nếu cho rằng khinh an cho đến lẽ ra là chi lạc, ngăn dứt Hữu Bộ chống chế. Hoặc cho rằng khinh an kia cho đến trội hơn hai thứ trước, là bác bỏ lại chống chế, trước dùng hai lý để phá, sau dẫn kinh phá. Lại Khế kinh nói cho đến chẳng phải khinh an, sau dẫn kinh phá, kinh nói ly sinh hỷ, thân tác chứng, sơ định nói tu năm pháp là: Hoan, hỷ, khinh an, lạc, khinh an và lạc nói riêng, sơ lạc, nhị lạc chẳng phải khinh an, ly sinh hỷ là lia dục ác pháp sinh hỷ kia. Nếu nói trong định cho đến không có thân xúc khắp thân, là phá Hữu Bộ không có thân thức, kinh bộ nêu tự tông, hoặc cho rằng ngoại tán cho đến Tam-ma-địa, là giải thích Hữu bộ, hỏi Hữu Bộ hỏi rằng: Hoặc có gió nhẹ nhàng thì làm cho lúc ấy có thân thức chắc chắn hoại mất.

14. Giải thích câu hỏi:

Giải thích rằng ở đây thuận định nên không có lỗi hoại định, hoặc cho rằng khởi thân thức cho đến do nhân trước, là nói giải thích vặn hỏi. Nếu cho rằng có thân thức khởi lẽ ra xuất định, do trước thuận với nhân của định nên không xuất định, nếu cho rằng y chỉ cho đến chấp nhận sinh không có lỗi, lại giải thích câu hỏi. Y theo văn luận này kinh bộ chấp nhận ở trong định có thân thức hành và nương thân cõi Dục khởi thân thức ở cõi Sắc duyên xúc ở cõi Sắc, chỉ chấp nhận duyên gió nhẹ nhàng. Nếu vậy lúc đang ở trong định cho đến thanh lỗi trái lý, là Hữu Bộ vặn hỏi.

Lúc ở trong định vô lậu xúc và thân thức lể ra thành vô lậu do vô

lậu lúc sơ định hiện ra trước, do khinh an xúc kia là chi giác, lạc trong thân thức là chi lạc, không thể đồng với hỷ trong năm chi là vô lậu, vì lạc là hữu lậu, thành lỗi trái lý. Luận chép: Không có lỗi trái lý, là kinh bộ trả lời, vì sao Hữu Bộ gạn hỏi, thừa nhận thân khinh an thuộc chi giác, Kinh bộ dẫn thí dụ trả lời, kinh nói thân khinh an là chi giác. Hoặc thuận kia chấp nhận nói như thế, dẫn thí dụ phá, sao ông không nói thuận theo chi giác gọi là chi giác. Tông ta thì thân thức cũng thuận với vô lậu nên gọi là vô lậu không có lỗi trái lý, hoặc thừa nhận đều là hữu lậu, Hữu Bộ dẫn kinh gạn hỏi. Kinh nói mười lăm giới hữu lậu, vì sao khinh an xúc và thân thức thuận theo vô lậu gọi là vô lậu, không có lỗi trái kinh vì mật ý thuyết, là kinh bộ giải thích kinh.

15. Kinh bộ giải thích kinh:

Ở đây y theo các xúc và các thân thức chỉ gọi là hữu lậu, theo y luận này thì kinh bộ dùng giới khinh an và thân thức thuận với vô lậu là vô lậu. Vì sao vô lậu cho đến thiếu chi vô lậu, là Hữu Bộ gạn hỏi? Giới Khinh an kia thật là hữu lậu, thuận vô lậu nên gọi vô lậu, vì sao định vô lậu lúc hiện ra thiếu chi hữu lậu, thiếu chi vô lậu, khởi khác nhau thời đây có lỗi gì? Là Kinh bộ giải thích lúc khởi thân thức không khởi hỷ thọ, lúc khởi hỷ thọ không khởi thân thọ, ở đây có lỗi gì? Xét theo văn này không nói thân thức và khinh an là chân vô lậu, hoặc nói hỷ lạc cho đến và lý bốn chi là nhắc lại gạn hỏi của Hữu Bộ, đây cũng không có lỗi cho đến như có tầm, tứ là kinh bộ giải thích. Kinh bộ dẫn tự thừa nhận làm thí dụ. Bộ kia chấp nhận tầm tứ không chung khởi mà xếp vào chi. Sơ định có năm chi, hoặc lấy tầm tứ làm thí dụ không thành nêu câu hỏi của Hữu Bộ, lấy pháp làm dụ, hai tông cùng chấp nhận mới thành dụ, tông ta không chấp nhận hai thứ khởi trước sau là dụ không thành.

Kinh bộ giải thích chẳng phải bất thành cho đến không thể nói có lỗi, trong phẩm căn ở trước của ta do lập nhân rằng tâm thô tế trái nhau cho nên không đi chung. Ông đối với nhân ta nói ở trước không thể nói có lỗi cho nên thí dụ được thành. Theo pháp Nhân Minh hoặc không cùng chấp nhận trước lập tông phá xong, kia tuy không chấp nhận chẳng bác bỏ thành. Do đây có thể nói cho đến không nói tưởng, là kinh bộ y theo tự tông giải thích, trong sơ định lập các chi tầm, tứ, hỷ, lạc thọ, giảm chi trước nên lập Tĩnh lự sau. Do lý này ban đầu nói năm chi, giảm sơ tầm tứ lập định thứ hai, giảm hỷ thọ kia và tầm tứ lập định thứ ba, giảm lạc thọ và ba chi trước lập định thứ tư. Tưởng v.v... không giảm nên lập chi.

16. Kinh bộ gạn lại:

Hoặc lẽ ra nói vì sao ban đầu chỉ lập năm chi là kinh bộ gạn lại, nếu không đúng như giải thích của ta thì lẽ ra ông nói vì sao Sơ định chỉ lập năm chi? Nhắc lại chấp của Hữu Bộ: Nếu cho rằng năm thứ này cho đến xếp vào chi. Ở đây không ứng lý cho đến thẳng tâm tứ, là kinh bộ phá, tuy có một loại cho đến cùng thi thiết, mặc dù Sơ Hữu Bộ giải thích sơ định lập năm chi là giúp sơ định nhưng chẳng phải kinh bộ xưa các quý phạm sư cùng giả lập, nên xét nghĩ lựa chọn cho đến gọi là nội đẳng tịnh, hai bộ tranh luận sơ định, định thứ hai chi lạc rồi. Kế cùng bình luận định thứ hai nội tịnh chi, đây là Hữu Bộ bảo kinh bộ nên suy xét. Đỉnh này xa lìa cho đến vì sao sông có sóng là kinh bộ giải thích, đây là định thứ hai, xa lìa sự kích động của tâm tứ, nối tiếp thanh tịnh, chuyển gọi nội đẳng tịnh.

Hữu Bộ và Kinh bộ nêu ra lỗi, nếu vậy thì ở đây lẽ ra cho đến đây là tín căn hoặc không có tâm tứ nên gọi là Nội đẳng tịnh, nội tịnh không có tự thể, làm sao được gọi là mười một việc thật, phá chấp. Cho nên nói đây tức là Tín căn, quy về nghĩa đúng của Hữu Bộ, hoặc chứng đắc cho đến gọi là nội đẳng tịnh, đây giải thích rộng. Trong sơ định ở trước lìa tấn địa, nay định thứ hai lìa định địa kia, tự đắc định thứ hai lìa sơ định, trong định địa kia cũng có thể lìa, có lòng tín sâu thì liền sinh lòng tin gọi là nội đẳng tịnh. Tin là tịnh tướng cho đến gọi là nội đẳng tịnh là giải thích tên gọi. Nói tín là tướng định là giải thích tên tịnh, lìa ngoài là giải thích tên nội bình đẳng là giải thích chữ Đẳng, thanh tịnh mà bên trong bình đẳng nên gọi là nội đẳng tịnh, là hợp thích.

17. Luận sư kinh bộ giải thích:

Có Luận sư khác nói đều không có tự thể riêng, là Luận sư kinh bộ giải thích, nếu không có tự thể riêng thì tâm sở lẽ ra không thành, là Hữu Bộ gạn hỏi. Tâm phần vị khác nhau cũng được gọi là tâm sở, là kinh bộ giải thích, tuy có lý này nhưng chẳng phải tông của ta, ý Luận chủ thừa nhận lý của Kinh bộ mà chấp nhận Hữu Bộ. Như trên đã nói biết quyết định đúng, ngoại nhân hỏi Hữu Bộ các ông nói hỷ chẳng phải hỷ thọ. Hữu Bộ hỏi ngoại nhân, như các bộ chấp nhận ta cũng chấp nhận như thế, là ngoại nhân trả lời, như Thượng tọa bộ chấp nhận ta cũng chấp nhận, các bộ tại sao không chấp nhận chẳng phải hỷ thọ? là Hữu Bộ gạn ngoại nhân. Riêng có hỷ thể kia đều khác nhau là ngoại nhân trả lời, Thượng Tọa bộ chấp có hỷ riêng là pháp tâm sở không phải thọ, trong ba định, lạc đều là hỷ thọ, cho nên hỷ thọ thể kia đều khác, chẳng phải ba định lạc cho đến phần minh chứng, Hữu Bộ chẳng

phải ngoại nhân chấp do trái với hai A-cấp-ma. A-cấp-ma, Hán dịch là Truyền.

18. Dẫn kinh chứng minh:

Như nói về điền đảo cho đến cái vui vô dư diệt, là dẫn kinh thứ nhất, kinh nói ba định không có diệt hỷ, nên biết ba định không có hỷ thọ, các kinh nói hỷ chẳng phải lạc, là dẫn kinh thứ hai chứng minh. Thứ tư là Tĩnh lực dứt lạc, dứt khổ trước hỷ ưu sau, trước đã có hỷ lạc sau, nên biết trong định thứ ba không có hỷ căn. Kinh chép dứt vui dứt khổ trước hỷ ưu sau, sơ định dứt ưu khổ định thứ ba dứt hỷ, định thứ tư dứt vui. Vui và khổ đối nhau nên kinh nói trước, hỷ ưu chẳng phải đối thuyết trước sau kia, nên luận Bà-sa quyển tám mươi một nói Tĩnh lực thứ tư dứt khổ, y hai pháp đều nói dứt thính, hai pháp đó là khổ và vui. Lúc lìa dục nhiễm tuy khổ hết rồi mà vui chưa hết, nay lìa nhiễm Tĩnh lực thứ ba rồi, khổ vui đều hết, đều nói dứt thính, lìa nhiễm Tĩnh lực thứ ba v.v... đều dứt.

Vì sao chỉ nói dứt lạc căn? Vì lúc đó vui hết, biết lìa cõi Dục và nhiễm sơ định cũng dứt hỷ v.v... do chưa hết nên không nói. Lại luận Bà-sa quyển tám mươi một như Khế kinh nói sơ định diệt ưu căn, định thứ hai diệt gốc khổ, hỏi lúc lìa dục nhiễm dứt ưu và khổ vì sao Khế kinh nói? Đáp: y lỗi đối trị nên nói đó là lìa dục nhiễm vị tuy dứt gốc khổ mà không gọi là đối trị lỗi khổ. Lúc sơ định được lìa nhiễm và đối trị lỗi khổ, đối trị khổ là sơ định. Lại nữa, y theo lỗi tộc tánh và sở y của khổ nên nói như thế. Nghĩa là lìa vị dục nhiễm, tuy dứt gốc khổ mà chưa qua sở y tộc tánh của khổ, với sơ định được lìa nhiễm vì lỗi khổ sở y và khổ tộc tánh, nói diệt khổ. Sở y tộc tánh là các thức thân.

Lìa địa vị dục nhiễm tuy dứt gốc ưu mà chưa vượt qua đối trị sở y và tộc tánh kia, chẳng lẽ nói ưu sơ định diệt? Đáp: gốc ưu đôi trị sở y và tộc tánh đều ở tại ý thức, đã cũng ưu căn đồng ở tại ý thức, nên ngay lúc dứt thì diệt kia. Sở y của gốc khổ và tộc tánh khổ không đối trị đồng ở một thức, do đó vượt qua đối trị sở y, tộc tánh mới gọi là diệt khổ. Có người nói Tĩnh lực thứ hai diệt gốc khổ đó là diệt tâm, tứ do chư hiền Thánh đối với tâm tứ phát sinh ý nghĩ là khổ, qua các dị sinh nhàm khổ địa ngục, năng sinh ý nghĩ là khổ, nên gọi gốc khổ. Như trên là văn luận.

19. Hỏi đáp chung:

Hỏi: Lúc bốn định khởi có địa đại thiện, chung đại địa mười, bất định tâm tứ và tâm vương, tương ứng với hai mươi ba pháp để khởi, vì sao chỉ dùng chín pháp làm chi Tĩnh lực, trong đại địa thì niệm, định, tuệ,

thọ, trong địa đại thiện thì hành xả, khinh an, tín: Bất định tâm tứ để xếp vào chi định. Mười bốn pháp còn lại chẳng thuộc chi định, nên luận Bà-sa quyển tám mươi phết lập ý rằng: Tâm vương là chủ chẳng phải chi tâm sở, đại địa pháp có mười, ba thứ niệm, định, tuệ. Thuận theo tịnh chỉ vượt hơn nên xếp vào chi, thọ trong phần tạp nhiễm thanh tịnh, thế dụng đều hơn, cho nên cũng lập. Nhưng trong năm thọ ưu khổ chẳng tương ứng định, nên không lập chi, tướng tư xúc dụng chỉ thuận theo trôi lăn chẳng phải hoàn diệt nên không xếp vào chi. Tác ý chỉ là tán địa cõi Dục đối cảnh dùng ta hứng chẳng phải các định địa nên không lập chi. Thắng giải chỉ với vị Vô học thù thắng, Tĩnh lực khắp tất cả vị thắng nên không lập.

Tín trong thiện là sơ cơ của các hành vi ác, như phèn lóng nước làm cho tâm lắng trong nên xếp vào chi, trạo cử chướng định hành xả có thể trị, hôn trầm chướng tuệ khinh an có thể trị cho nên xếp vào chi. Tàm, quý, vô tham, vô sân, không buông lung, bất hại vì chẳng thuận theo các Tĩnh lực, pháp này phần nhiều ở tán địa cõi Dục pháp ác là gần đối trị, thế lực tăng mạnh chẳng phải định địa cho nên không lập. Tĩnh tấn nhiều khổ thân tâm, định làm cho thân tâm thường vui, chẳng thuận nhau lắm nên không xếp vào chi, nhưng thuận Bồ-đề, lập pháp Bồ-đề phần. Hai pháp tâm tứ trong bất định, thuận tịnh chỉ mạnh, năng giúp Đăng trì, chế phục sách tấn tâm để lìa thô tế, đối trị dục ác, cho nên lập chi. Ngoài ra tâm sở không tương ứng với định nên không lập chi.

20. Nói về thuyết khác:

Đã nói các chi Tĩnh lực như vậy, trở xuống một hàng tụng thứ hai là nói chi vô nhiễm, cho đến sở nhiễm ô, là nói về một loại tùy tướng thuyết, lời văn rất dễ hiểu. Có Luận sư khác nói cho đến thuộc đại thiên, là nói về thuyết khác, nhiễm tịnh chẳng phải thiện chỉ trừ duy thiện, ngoài ra có cả nhiễm nên không trừ. Văn trước chép: Chẳng phải đều có đủ. Trong Khế kinh nói ba định có động, trở xuống một hàng tụng là của thứ ba đại văn giải thích bất động trong kinh nói. Luận chép: Cho đến tai họa có tám, là giải thích đoạn kinh ở trước, do không có tám thứ tai họa nên gọi là Bất động. Tám loại là gì? Gồm tâm tứ bốn thọ cho đến gọi là bất động, nhưng Khế kinh nói cho đến bị hỷ lạc làm động, là các giải thích các kinh khác không giống nhau. Hoặc có cả cõi Dục gồm thuyết dứt gió, tức có tám tai, hoặc chỉ đối tâm sở trong định cõi Sắc thì lìa tầm, tứ, hỷ, lạc. Có Luận sư khác nói cho đến chiếu mà không động, là nói về giải thích khác.

21. Nói về giải thích khác:

Như tất cả các thọ của định Tĩnh lự. Trở xuống một hàng tụng thứ tư là nói về sinh Tĩnh lự. Luận chép: cho đến tương ứng bốn thức, là nói về mới sinh Tĩnh lự. Thứ hai có hai cho đến tâm vui thô, là nói về định thứ hai, vì vô dư thức nên không có ba thức tương ứng lạc, tâm ưa thô nên không có ý thức tương ứng lạc. Thứ ba có hai cho đến thọ có khác nhau, là nêu hai định sau, trong định thứ ba tâm ưa tế nên có ý địa lạc, trong định thứ tư tâm trở nên vắng lặng chỉ có xả thọ, đó là định sinh thọ có khác nhau, là kết luận. Ba Tĩnh lự trên không có ba thức thân, trở xuống một hàng tụng là thứ năm nói về giúp thức, cho đến Xúc và phát biểu, nêu địa trên do không có tâm tứ, không có ba thức thân và phát biểu tâm, giúp sơ định tâm, dùng năm thức thân và phát biểu tâm, định tương ứng với tâm tứ. Bốn thứ này chỉ là cho đến vì thấp kém, là nói chỉ giúp vô ký, không giúp nhiễm, thiện sinh.

Sinh cõi trên rồi lia nhiễm cõi dưới cũng không khởi thiện thấp kém sinh ba định cõi trên, khởi hai thông nhân, nhĩ cõi dưới là vô ký gì? Có chỗ giải thích: Chỉ là tâm oai nghi, hoặc là tâm duyên oai nghi, hoặc tự tâm oai nghi, đều không đúng. Nhĩ thức không thể làm tâm oai nghi phá ngữ biểu nghiệp, cũng không thể nói là tâm oai nghi vì trái với nhiều luận. Hoặc nói phát ngữ biểu nghiệp là Sơ thứ hai từ tâm oai nghi lại sinh ý thức duyên mười hai xứ, cũng gọi là tâm oai nghi. đây phát ngữ biểu tâm gọi là tâm oai nghi, điều này cũng phi lý, đâu thể định thứ hai trở lên phát ngữ biểu nghiệp tâm đều từ tâm oai nghi sau đó khởi, hoặc y theo giải thích của Luận sơ thứ nhất làm sao được tâm oai nghi, sơ chỉ dùng phát oai nghi ý thức là tâm oai nghi, lời nói đã chẳng phải là oai nghi do đó nên biết. Thuộc bốn vô ký, tâm bất tận, đã thuộc sắc vô ký, sắc bất tận, đâu có ngại bốn vô ký cũng thuộc tâm bất tận.

22. Hỏi đáp về vô ký:

Đã nói thuộc bốn vô ký, tâm vô ký bất tận, chẳng thể giúp thức là vô ký nào? Đáp: Ở đây giúp thức tâm tự tánh vô ký, nhĩ thức chẳng phải oai nghi, chẳng phải oai nghi vô ký. Địa trên không có công xảo chẳng phải công xảo vô ký, biến hóa chỉ ở ý chẳng phải biến hóa vô ký. Dị thực chẳng phải dị địa khởi phi dị thực vô ký, do vậy nên biết chỉ là tự tánh. Luận chép: giải thích riêng Tĩnh lự như thế rồi, trở xuống một bài tụng là thứ sáu, nói về lúc mới đắc Đăng chí cho đến lúc sinh tự địa là nói tịnh bốn đẳng chí không thành, do nhị đắc bầy địa sau đều như thế. Luận chép: cho đến vì không nhờ sinh. Bầy địa sau đều có lia nhiễm và sinh vì có địa trên. Hữu đánh chỉ có một, không có địa trên nên không thể nói sinh. Ngăn dứt vì sao nói hoàn toàn không thành, bài

tụng đầu nói toàn không thành mà đắc, là ngăn gì mà nói?

Đáp chung: vì ngăn đã thành lại đắc chút phần, như do gia hạnh cho đến thuận phần định thối, chỉ cho sự giải thích, đã thành Tĩnh lự căn bản, lại đắc một phần nhỏ thuận phần quyết trạch do gia hạnh được, không do lìa nhiễm và sinh đắc. Lìa tự địa nhiễm lui sụt phần định, lui sụt tự địa nhiễm thối phần định, đây là do lui sụt đắc, chẳng phải lìa nhiễm đắc và sinh đắc. Hoặc hoàn toàn không thành mà sơ đắc, thì bảy địa sau do hai đắc, hoặc lìa nhiễm địa dưới đắc định địa trên, hoặc từ cõi trên sinh xuống cõi dưới đắc định địa trên, phi tưởng không có địa trên nên không sinh đắc, dựa vào nghĩa này hỏi cũng vậy, đắc định có do lìa nhiễm đắc cũng do lìa nhiễm xả, có khi do sinh đắc sau do sinh xả. Có khi cho đến nên như lý suy nghĩ, trả lời rộng, thối phần tuy là tịnh định, vì chấp nhận khác với tướng phiền não. Hoặc lúc dứt phiền não tự địa xả, hoặc lúc lui sụt phiền não tự địa đắc, do sinh đắc xả, xả đây có thể biết. Vô lậu chỉ do đều như lý nên suy nghĩ, là nói về vô lậu há không do nhập cho đến đẳng chí vô lậu. Ý câu hỏi này siêu vượt bậc Thánh lúc y địa căn bản nhập thấy đạo cũng đắc gia hạnh, chẳng phải lìa nhiễm đắc, vì sao trước nói hoàn toàn không thành chỉ lìa nhiễm đắc?

Phi quyết định cho đến quyết định đắc, là đáp lúc gia hạnh nhập thấy đạo bất định, hoặc chưa lìa dục nhập thấy đạo, chưa đắc định căn bản nên không được. Hoặc siêu vượt liền đắc căn bản, do bất định nên không nói Gia hạnh đắc, hoặc bậc Thánh lúc lìa nhiễm cõi dưới, quyết định đều đắc căn bản vô lậu, do quyết định nên chỉ nói là nhiễm đắc. Nhiễm do thọ sinh cho đến được địa nhiễm này, là nói nhiễm bình đẳng cho đến do hai đắc. Đẳng chí nào hậu sinh, có mấy đẳng chí: dưới đây hai hàng tụng là thứ bảy nói về sanh nhau, trong văn có ba: Một là ba định sinh nhau; hai là tịnh định sinh nhau; ba là siêu gián sinh nhau. Đây là thứ nhất ba định sinh nhau. Luận chép: cho đến Tịnh và vô lậu đây là nói vô lậu chỉ sinh tịnh định và định vô lậu, không sinh vị định.

23. Nói về sanh nhau:

Luận Chánh Lý chép: Do rất trái nhau nên không sinh nhiễm, nói cực là đối tịnh định, tịnh định tuy là trái nhau nhưng chẳng phải cực, nhưng đối với trên dưới cho đến đều tịnh vô lậu, là nói không vượt qua thứ tư, từ số tự địa là một, kế địa là hai, cách một địa là thứ ba, chắc chắn không thể vượt qua nhị địa. Do đây từ sơ Tĩnh lự, Vô Gián sinh sáu đó là sinh tự địa, định thứ hai, định thứ ba đều là tịnh vô lậu, ba địa mỗi địa có hai nên thành sáu. Chỉ có địa trên không có địa dưới. Vô sở hữu xứ cho đến địa trên chỉ có tịnh, là nói vô sở hữu xứ Vô Gián sinh bảy,

Phi tướng chỉ có một, vì không có vô lậu. Dưới đây hai thứ đều có tịnh và vô lậu, lại có sáu nên thành bảy, Tịnh lự thứ hai cho đến tự địa hai là nói Tịnh lự thứ hai sinh tám, thức xứ sinh chín đến định thứ ba, định thứ tư không xứ ba địa này đều sinh mười. Đó là địa trên mỗi loại có hai địa và tự địa, có năm, năm nhân hai thành mười.

24. Nói về pháp trí:

Loại Trí Vô Gian cho đến y duyên cõi dưới, là nói từ loại trí năng sinh Vô Sắc tịnh và vô lậu, chẳng phải pháp trí. Ý Chánh Lý nói vì y và duyên khác nhau do pháp trí, y sáu địa duyên cõi Dục, Vô Sắc tịnh và vô lậu, y Vô Sắc, duyên Vô Sắc không sinh nhau. Loại trí địa dưới sinh Vô Sắc sẽ được duyên cảnh, vì cảnh địa huyên siêu quán tâm khó khởi, do đây trái nhau, không thể Vô Gian sinh. Từ tịnh đẳng chí tự địa nhiễm ô, nêu tịnh định sinh đồng với vô lậu, chỉ thêm gồm sinh tự địa nhiễm ô. Các địa vô lậu thường ở cõi trên lại thêm một, đó là nhiễm ô, Luận chép: cho nên Hữu đẳng tịnh cho đến đời khác mười một: Đây là nói số tịnh định tăng hữu đẳng sanh sáu, sơ định sinh bảy, vô sở hữu tám, thứ hai có chín v.v... đều nương vô lậu thêm tự địa nhiễm.

Từ nhiễm v.v... cho đến sinh hạ tịnh, kể là nói nhiễm sinh, nhiễm chỉ sinh tự địa nhiễm và tự địa tịnh, sinh thứ lớp địa dưới tịnh, cõi Dục có cả sinh đắc, địa trên chỉ có gia hạnh. Nếu đối với nhiễm tịnh từ nhiễm sinh tịnh, vị định là tham cùng chung vô minh, không thể biết rõ tướng nhiễm tịnh. Vì sao đối với hạ tịnh định sinh tôn trọng nên sinh hạ tịnh, nhờ nguyện lực trước nên có thể giác ngộ, lời văn rất dễ hiểu. Vô lậu và nhiễm cho đến ba cõi có khác, là nói ba định sinh khác khác nhau đã nói như vậy cho đến sinh nhiễm là không đúng, là nói tịnh định sinh nhiễm, vị định sinh nhiễm, không giống với phi định thiện và phi định nhiễm. Đó là lúc qua đời sinh tất cả nhiễm, là nói sinh đắc tịnh khác nhau với định. Hoặc thiện tâm sinh đắc qua đời sinh chung hai cõi trung hữu kết sinh tâm và Vô Sắc sinh hữu, vì tâm này chỉ là nhiễm, sinh tất cả nhiễm.

25. Sinh nhiễm khác với định nhiễm:

Nếu từ sinh nhiễm cho đến chưa lìa hạ, là nói sinh nhiễm khác với định nhiễm, hoặc tâm nhiễm ô qua đời sinh ra tự hạ tất cả địa nhiễm. không thể sinh thượng nhiễm, do nếu lìa nhiễm thì không có nhiễm tâm mạng chung, hoặc không lìa nhiễm thì không thể sinh địa trên. Nói là từ tịnh sinh vô lậu, trở xuống hai hàng tụng sau là thứ hai rõ tịnh định sinh nhau, cho đến thuộc thuận thắng tấn phần là nêu các địa, đủ bốn phần định nhiều ít. Trong bốn phần này cho đến sinh ra vô lậu, trong

bốn phần định chỉ thuận phần quyết trạch, năng sanh vô lậu chẳng phải ba thứ khác, vì sao? Vì chỉ có thứ tư sinh vô lậu.

Do bốn thứ này cho đến chỉ từ đây sinh, là đáp lý do, do bốn phần định đều có khác nhau, chỉ có phần quyết trạch thuận với vô lậu, nên biết chỉ có phần quyết trạch sinh ra vô lậu. Bốn thứ nay đối nhau, cho đến tự chẳng phải loại khác, nêu bốn tịnh định tự tương sinh không trông mong vô lậu và vi định. Ban đầu sinh ra hai nghĩa là thuận thối phần sinh thuận thối phần và sinh trụ phần. Thứ hai sinh ba đó là thuận trụ phần sinh thuận trụ phần, sinh lui sụt phần định và thắng tấn phần. Thứ ba sinh ba đó là thắng tấn phần sinh thắng tấn phần và phần quyết trạch thuận trụ phần. Trên đây đều là thứ lớp sinh không ngăn ngại khởi, thứ tư sinh một đó là tự chẳng phải loại khác. Thuận phần quyết trạch chỉ sinh tự loại không sinh thắng tấn khác nhau với trước, xét kỹ ý thú kia, để trụ phần quyết trạch, ưa dứt các cõi vì tu vô lậu, không sinh thắng tấn phần.

Luận Chánh Lý quyển một nói sinh nhau đồng với luận này, có thuyết cũng sinh thuận thắng tấn phần, đều thứ lớp sinh nhau, không ngăn vượt. Lại, Luận Chánh Lý chép: Hoặc thuận phiền nào gọi là thuận thối phần, các vị A-la-hán đâu có lý lui sụt, chẳng phải kia vẫn có thuận thối phần định có thể làm cho hiện ra, vì lìa nhiễm xả. Tuy có khó này mà thật ra không trái, đó là trong thuận trụ có thuận thối, cũng được lập tên gọi thuận thối phần, từ kia có lui sụt, như trước đã nói. Nay đã giải thích rõ ràng văn luận trên đây, vẫn chưa hết nạn, trong trụ phần lập lui sụt là phi lý, trong ba phần nêu ra nên như vậy, bốn phần này có lỗi lẫn lộn. Nay có một giải thích, ở đây chỉ nói phần lui sụt thuận phiền nào, y theo trung hạ duyên khởi phiền nào. Hoặc năng lực thắng duyên khởi phiền nào, cũng từ phần hạ trụ sinh phiền nào, như dị sinh lìa nhiễm. do khó lui sụt nên chấp nhận qua đời, vì phần lìa địa nhiễm có thối phần, phải lại thối phần được qua đời, vì dễ lui sụt, Thánh phần lìa nhiễm và vô lậu đặc phân ly dục, chấp nhận có bất thối, bất tiến mà qua đời. Thối và bất thối lại có khác duyên không chỉ thối phần, nếu khởi hoặc thắng duyên mạnh thì trụ phần cũng thối. Nếu hoặc khởi hoặc duyên yếu thì thối phần không thối.

26. Nói về siêu gián sinh nhau:

Như trên đã nói tịnh và vô lậu, trở xuống một hàng tụng là thứ ba nói về siêu gián sinh nhau, vượt một gọi là siêu, nêu địa căn bản có hai thứ định, đó là tịnh và vô lậu, cho đến các địa xuất nhập khác nhau mà đặt tên khác nhau. Một trụ cõi trên gọi là thuận, hai là trở lại cõi dưới

gọi là nghịch, ba đồng loại gọi quân bình, bốn là khác loại gọi là gián, năm gần nhau gọi là kế, sáu là vượt một gọi là siêu. Hoặc thức trước có sáu trường hợp, nói về siêu phương để, nên trước nêu ra, đó là quán hạnh cho đến hiện ra thường tu tập, là nói thuận nghịch thứ lớp, đồng đều nhập gia hạnh. Trước là trên dưới đồng đều thứ lớp nhập hữu lậu. Kế trên dưới đồng đều, thứ lớp nhập vô lậu. Kế đối với hữu lậu cho đến hiện ra thường tập là nói về gián, kế là gia hạnh, kế là hữu lậu cho đến siêu gia hạnh tròn đầy, là nói hữu lậu, vô lậu đồng đều, siêu gia hạnh, lúc này gọi siêu gia hạnh tròn đầy.

Sau đó đối với hữu lậu cho đến gọi là siêu định thành, là nói siêu định thành căn bản, trong đây siêu là siêu nhập thứ tư, là nói vượt qua thứ ba. Cách nhau một địa gọi là thứ ba, không vượt hai địa không cho đến thứ tư, tu siêu đẳng chí chỉ có người ở ba châu, là nói y thân và xứ, sở dĩ trong loài người không phân biệt vô căn và hai hình v.v... vì bậc Thánh không nhọc phân biệt cho nên nói cõi người để phân biệt với trời. Không có thời giải thoát cho đến tu siêu Đẳng chí, phân biệt với thời giải thoát và Hữu học, định tự tại phân biệt với thời giải thoát, không có phiền não phân biệt với Hữu học. Luận Chánh Lý chép: Chỉ ba châu ở cõi Dục trừ Châu-câu-lô, chung thông cả nam nữ, không có các A-la-hán thời giải thoát, cần được vô tránh diệu nguyện trí v.v... biện tế định, có thể siêu vượt chẳng phải loại khác. Thắng giải tác ý không thể Vô Gian tu siêu Đẳng chí, vì thế lực yếu kém, như trên là văn luận.

27. Nói về đẳng chí y thân:

Các Đẳng chí này cho đến nương thân nào khởi, dưới đây một hàng tụng là thứ tám nói về đẳng chí y thân khác nhau. Luận chép: cho đến vì đáng nhàm chán, là nói các định trên nương hạ thân, của mình hạ định không nương thân cõi trên, một là vì không có công dụng hai là vì tự có thắng định, ba là vì thế lực định yếu kém, bốn là vì đã xả bỏ, năm là có thể nhàm chán. Do năm nhân này nên thân cõi trên không khởi hạ định, tổng tướng chung tuy như thế cho đến cùng tận các phiền não, nói về thuyết tướng chung, nương thân địa trên khởi hạ định. Hoặc thuyết nhỏ nhiệm sinh phi tướng địa trên khởi hạ vô sở hữu xứ vô lậu được vì đoạn hoặc ở phi tướng chẳng phải không có công dụng. Tự không có thắng định này thế lực vượt hơn phi tướng, vì không xả bỏ, vì không thể nhàm chán, hoặc nương địa dưới không khởi vô lậu cõi dưới do tự có vô lậu khởi hạ vô dụng, và vô lậu cõi trên yếu kém nên không khởi Vô lậu cõi dưới. Vì hết các phiền não chẳng phải không có công dụng, tự không có vô lậu ưa thích khởi, chẳng phải duyên khác. Chỉ có vô sở hữu

xứ lân cận nên không khởi cái khác vì cách vượt.

28. Nói về sở duyên:

Các Đẳng chí này cho đến duyên cảnh gì sinh, trở xuống một hàng tụng là thứ chín nói về sở duyên, cho đến vì lẽ ra thành thiện, nói về mùi vị cảnh định chỉ duyên tự địa hữu lậu, nói về pháp sở duyên, vì đã lìa nhiễm không duyên nhân cõi dưới vì ái địa khác nhau. Không duyên nhân cõi trên vì lẽ ra thành thiện. Không duyên nhân vô lậu, tịnh và vô lậu cho đến chẳng phải cảnh vô lậu nêu sự khác và giống nhau của cảnh tịnh vô lậu Tĩnh lực chỉ trừ vô ký vô vi, vô lậu không duyên, vì chẳng phải để, khác với tịnh định, ngoài ra tất cả đồng với tịnh định, thuộc địa căn bản cho đến địa dưới pháp diệt, là nói của Vô Sắc căn bản duyên với cảnh thông và hạn cuộc. Vô Sắc căn bản không có duyên khắp trí, vì rất vắng lặng, không duyên địa dưới hữu lậu và diệt, cũng có thể duyên cõi dưới vô lậu phẩm loại, đều duyên tự và thượng.

Luận Chánh Lý chép: Do pháp địa dưới không vắng lặng, bốn thiện Vô Sắc rất vắng lặng, do lý này tuy đối với Vô Sắc đều nói siêu vượt tất cả địa dưới, với các Tĩnh lực không nói như thế, do vốn Vô Sắc không duyên cõi dưới ràng buộc, do đó địa dưới nói siêu vượt. Trong các Tĩnh lực có trí duyên khắp, địa dưới không siêu vượt, đã nói siêu vượt sắc tướng nên biết chỉ y siêu sở duyên, hoặc siêu vượt là nói lên ly hệ, lẽ ra siêu tất cả không chỉ sắc tướng, trong Tĩnh lực nói siêu vượt. Luận Bà-sa quyển mười nường bốn Vô Sắc địa cũng có hành tướng vô ngã này mà không thể duyên tất cả pháp, nghĩa là Không vô biên xứ chẳng phải hành tướng của ngã, duyên nhân kia của bốn Vô Sắc, kia diệt tất cả loại trí phẩm đạo và bốn Vô Sắc phi trạch diệt. Tất cả loại trí phẩm đạo phi trạch diệt và tất cả hư không vô vi, hoặc muốn làm cho trở thành một vật, hoặc muốn làm cho trở thành nhiều vật, hành tướng này hết năng duyên, như thế cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ chẳng phải hành tướng của ngã, duyên nhân kia của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Kia diệt tất cả loại trí phẩm đạo và Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, phi trạch diệt, tất cả loại trí phẩm đạo phi trạch diệt và tất cả hư không vô vi, hoặc muốn làm cho trở thành một vật, hoặc muốn làm cho trở thành nhiều vật, hành tướng này đều là năng duyên, đây là nhà phê bình của luận Bà-sa đúng nghĩa. Như trên là văn luận. Vô Sắc cận phần cũng duyên địa dưới, đạo Vô Gián kia phải duyên cõi dưới, là nói cũng duyên cõi dưới, nói lên trong cận phần cũng duyên cõi trên.

29. Nói về ba đẳng chí dứt hoặc khác nhau:

Trong vị tịnh vô lậu ba đẳng chí, trở xuống nửa hàng tụng là thứ

mười nói về ba Đẳng chí dứt hoặc khác nhau, cho đến do thù thắng, là nói vô lậu dứt hoặc, vị không dứt. Hoặc tịnh cận phần cũng không thể dứt, là nói vị đáo đoạn thứ lớp địa dưới, Trung gian không thể đoạn. Cận phần có bao nhiêu thọ tương ứng, trở xuống nửa hàng tụng là thứ mười một nói về cận phần nhiều ít. Vì chưa lìa hạ sợ hai, nói lý do cận phần có cả tám địa, và chỉ xả tương ứng. Tám cận phần này cho đến nên nói rằng nói về sơ cận phần cũng có cả vô lậu, bảy thứ chỉ có tịnh đều không có vị định. Có kiết tâm sinh, là nói có nhiễm sinh, theo Luận Chánh Lý bảy cận phần trên không có vô lậu, vì với pháp tự địa không nhằm chán, chỉ có sơ cận phần có cả vô lậu, với pháp tự địa thì nhằm chán. Địa này rất gần gũi nhiều tai họa, vì các dục tham do tâm tứ khởi, địa này vẫn có tâm tứ theo. Như trên là văn luận. Có thuyết nói định Vị Chí có đủ ba thứ, là nói về thuyết khác, trung gian Tĩnh lự cho đến trung định không có công năng, là nói định trung gian có khác với định Vị Chí.

30. Nói thuyết khác:

Lại có nghĩa khác, trở xuống nửa hàng tụng là thứ mười hai nói về trung định khác với cõi trên cõi dưới, cho đến không như thế, là nói chỉ dưới hai sơ và thượng có định trung gian, ngoài ra các định không có lên xuống, không có trung gian. Định này có đủ cho đến thuộc khổ thông hạnh, định trung gian có ba cận phần khác nhau, xả thọ đồng cận phần. Vì định này có công năng siêu vượt cho đến làm đại phạm, là nói quả trung định, theo luận Chánh Lý quyển bảy mươi tám chép chỉ có sơ cận phần gọi là Vị Chí nhưng vì muốn phân biệt với cận phần khác, chẳng phải cận phần này nương định trước mà khởi, chẳng phải trụ đây đã khởi ái vị, nương nghĩa này gọi là Vị Chí, chẳng phải bên định cõi trên cũng gọi là vị chí, đều nương thế lực định trước dẫn sinh và lúc trụ kia vì đã khởi vị. Theo Tỳ-bà-sa nói như thế, chưa cho đến bốn địa gọi là vị chí, nghĩa là đức bốn địa chưa hiện ra. Định trung gian này có đủ ba vị, do phân biệt ràng buộc thuộc một sinh xứ, cùng tốt tu tập định trung gian, vị lai sẽ sinh ở chỗ Đại phạm xứ, nên cũng có ba.

Như định căn bản chẳng phải địa căn bản khởi ái tham, như sở vị kia có khác nhau, vì năng vị cũng khác, ở đây có vị thắng đức đáng ưa, sinh ra định vô lậu, cũng giảm dần, đây cũng một bề tương ứng với xả thọ. Không có ba thức thân nên không có lạc thọ, không có hỷ thọ đã không cùng ban sơ, nhưng ban đầu chưa thể lìa tham, lại do tự cố gắng công dụng chuyển nên chẳng phải ưu khổ, vì đã ra khỏi dục, do đây một bề tương ứng xả thọ. Như trên là văn luận. Đã nói Đẳng chí tổng kết

vấn trên thế nào là đẳng trì dẫn vấn sau, dưới đây là thứ tư của đại vấn nòi về Đẳng trì, trong vấn có bốn: Một là tâm tứ đẳng; hai là đơn không đẳng; ba là trùng không đẳng; bốn là Tu đẳng trì, đẳng chí, đẳng trì, đẳng dẫn. Đẳng chí có cả hữu tâm và vô thể, chỉ có định không thông đẳng trì chỉ có hữu tâm, có cả định tán đẳng dẫn chỉ là định, chỉ hữu tâm. Luận Bà-sa quyển sáu mươi hai hỏi Đẳng trì, Đẳng chí có gì khác nhau? Có khi thuyết đặt ra bốn trường hợp: Có khi đẳng chí chẳng phải Đẳng trì, đó là hai định vô tâm, có khi đẳng trì chẳng phải Đẳng chí đó là tâm bất định tương ứng đẳng trì. Có khi đẳng chí là đẳng trì đó là tất cả định hữu tâm, có khi phi đẳng chí, phi đẳng trì là trừ ba trường hợp trước.

31. Đẳng trì là gì?

Luận Bà-sa quyển một trăm bốn mươi một hỏi thế nào gọi là Đẳng trì? Đáp bình đẳng trì tâm khiến chuyên một cảnh, có sự thành biện nên gọi Đẳng trì v.v... có nhiều giải thích, đây đủ như luận kia. Kinh nói đẳng trì gồm có ba thứ, dưới đây nửa hàng tụng là thứ nhất nói về tâm tứ có ba. Luận chép: cho đến thuộc vị chí, là nói về thứ nhất không có tâm chỉ có tứ thuộc địa trung gian, là nói về thứ hai không có tâm không có tứ, cho đến thuộc phi phi tướng, là nói về thứ ba Khế kinh lại nói ba thứ Đẳng trì. Dưới đây một hàng rưỡi tụng là thứ hai nói đơn không ba đẳng trì. Luận chép: Cho đến tương ứng đẳng trì là nói không đẳng trì, theo Luận Chánh Lý không đẳng trì gần trị có thân kiến. Thân kiến cũng có hai hành tướng, đó là không hành tướng cận trị ngã sở kiến, chẳng phải ngã hành tướng cận trụ ngã kiến. Quán pháp phi ngã gọi là hành tướng phi ngã, trong đây quán vô ngã gọi là không hành tướng, do đây trị khác nhau.

Hỏi: biết đây chẳng phải ngã, vô ngã trong đây hai thứ hành tướng có gì khác nhau? Đáp: chẳng phải không khác nhau nói vô ngã trong đây không thể nói lên thành rốt ráo vô thể, chỉ hiển rõ kia đây không có lẫn nhau, không thể hiển thành rốt ráo vô ngã vì do có pháp thể cũng không có lẫn nhau. Hoặc nói pháp này phi ngã, bèn hiển bày ngã không bao giờ, do tất cả pháp tướng của các pháp bình đẳng. Do đây hoặc tu hành tướng phi ngã bèn trị ngã kiến, tu hành tướng không trị ngã sở kiến, làm sao không khác. Như trên là văn luận. Tam-ma-địa Vô tướng cho đến ba tướng hữu vi, theo Luận Chánh Lý hoặc tướng là tên khác của nhân. Niết-bàn không có nhân nên gọi vô tướng, hoặc tướng đó là thể uẩn thượng trung hạ, Niết-bàn khác với kia nên gọi là vô tướng. Tam-ma-địa Vô nguyện cho đến được gọi là vô nguyện, thứ ba nói về

vô nguyện. Nói các đế mười loại hành tướng phi thường, khổ là khổ cõi dưới hai hành, nhân bình đẳng là tập cõi dưới bốn hạnh, đáng nhằm chán nên duyên vô nguyện. Vô nguyện là tên khác của nhằm chán, đạo như thuyền bè phải nên xả bỏ, nên cũng không mong cầu.

32. Giải thích nghĩa Vô nguyện:

Đều vì vượt qua hiện sở đối, giải thích nghĩa vô nguyện, đối với khổ tập đạo hiện cảnh sở đối, đều muốn vượt qua cho đến Niết-bàn nên gọi là vô nguyện. Theo luận Chánh Lý quyển bảy mươi chín chép không như thế v.v... cả ba Tam-ma-địa tuy không khác nhau mà ý đối trị ý lạc, sở duyên, như thứ lớp kia, kiến lập ba thứ. Do lý lạc nên không nguyện ba cõi, lý vả lại có thể đúng, vì có lỗi trái nhau. Nào do ý lạc không nguyện Thánh đạo, do các Thánh đạo vì không thuộc hữu. Nếu như thế cần gì tu tập Thánh đạo là nhân Niết-bàn năng đến, chẳng lẽ Thánh đạo có đặc Niết-bàn, vì cầu Niết-bàn nên tu Thánh đạo, vì đạo như thuyền bè nên xả bỏ. Cũng do ý lạc không nguyện Thánh đạo, nên duyên hành tướng đạo cũng được gọi là vô nguyện, vì vốn trông mong tâm nhằm chán hữu vi, đại ý giống như luận Bà-sa.

Đối trị ngã, ngã sở là không ý lạc, chứng Niết-bàn là vô tướng ý lạc, xả hữu vi, là vô nguyện ý lạc. Không phi ngã tướng cho đến tướng tướng tự, do hai hành tướng này tuy duyên pháp đáng nhằm chán, nhưng không chấp tướng đáng nhằm chán, không được gọi là vô nguyện. Niết-bàn tướng tự là Niết-bàn không có tướng nam nữ, đây là phi ngã không có các tướng nam nữ tự Niết-bàn. Ba pháp này đều có hai thứ đẳng trì khác nhau, nêu chung hữu lậu và vô lậu, lậu là thế gian, vô lậu là ra đời gian. Thuộc thế gian cho đến chỉ có chín địa là nêu địa khác nhau, trong đó vô lậu cho đến là nhập môn là nói về tên khác, Khế kinh lại nói ba lớp Đẳng trì, dưới đây một hàng rưỡi tụng là thứ ba, lặp lại không Tam-ma-địa. Luận chép: cho đến đặt tên không không đẳng, là giải thích chung ba tên gọi.

33. Nói về đẳng thứ nhất:

Duyên cái không trước, chấp tướng không gọi là không không, duyên vô tướng ở trước, chấp tướng vô tướng nên gọi là vô tướng vô tướng, duyên vô nguyện trước chấp tướng vô nguyện gọi là vô nguyện, vô nguyện. Không không đẳng trì cho đến thắng phi ngã là nói về nêu thứ nhất. Luận Chánh Lý trước khởi Vô học đẳng trì, đối với năm thủ uẩn tư duy tướng không từ đây sau khởi gốc lành cao quý tướng ứng Đẳng trì. Duyên Vô học không Tam-ma-địa tư duy tướng không, chẳng chấp không nên gọi là không không. Như đốt thay chết dùng gậy trở

thây đã hết rồi gây cũng nên đốt, như nhờ không rỗng mà thiêu phiền não rồi lại khởi không định nhằm xả, cái không trước. Trùng lặp không đấng trì không hành tướng sau khởi, lại tương ứng với không hành tướng, chỉ đây có thể thuận nhằm xả bỏ.

Hành tướng phi ngã thì không như thế, thấy vô ngã với các pháp hữu vi khởi tâm nhằm chán vì không như thấy hư không. Các cõi đã thấy các pháp vô ngã, mà đối với các cõi vẫn sinh ưa đắm. Vì trong các hành chẳng xét thấy không, do không định nay tuy có cả hai hành tướng, mà chỉ gọi là không, chẳng gọi là phi ngã. Không đối với nhằm xả rất thuận theo, thuật rằng: Không hành đối trừ ngã sở, hiện thấy thế gian, biết vật chẳng phải ngã sở hữu không tham cầu. Vô nguyện vô nguyện cho đến là nhằm xả, là nói về thứ hai.

34. Nói về Đấng trí thứ hai:

Luận Chánh Lý lập Vô nguyện Đấng trì, sau khởi hành tướng phi thường, lại tương ứng hành tướng phi thường, chỉ đây có thể duyên đạo nhằm chán, chẳng phải hành tướng khổ năng duyên Thánh đạo, Thánh đạo chẳng phải khổ, vì hưởng cho đến diệt khổ, pháp khổ không thể hưởng cho đến khổ tịch diệt, cũng chẳng phải bốn nhân bình đẳng năng duyên Thánh đạo, vì Thánh đạo không thể làm cho khổ liên tục, chẳng phải bốn đạo bình đẳng vì nhằm xả đạo, chẳng phải hạnh ưa thích có thể nhằm xả, không phải như vô nguyện không nguyện Thánh đạo mà tạo tác bốn thứ như đạo v.v... ở đây cũng nên như thế, ví dụ này không đúng, vô nguyện chính là nhằm hữu gồm Thánh đạo khởi tâm bất nguyện, đó là vô nguyện ở trước chính là nhằm chán hữu, Thánh đạo nương vào hữu nên gồm bất nguyện.

Tuy đối với ý lạc nói không nguyện đạo, mà đối với Thánh đạo chẳng ghét nhằm, cũng năng tạo tác bốn thứ như đạo v.v... vô nguyện vô nguyện chính ghét nhằm đạo, cho nên dùng phi thường quán lỗi đạo, hành tướng đạo đấng không chấp nhận nhằm đạo do vậy đây không tạo bốn thứ như trên là văn luận.

35. Nói về đấng trí thứ ba:

Vì vô tướng vô tướng cho đến chẳng ly hệ quả, là nói về thứ ba, không chấp diệt: Đã duyên đạo diệt, hoặc duyên diệt tướng lạm sinh diệt, phi trạch diệt là vô ký nên chẳng phải tướng mầu, chẳng phải quả ly hệ nên chẳng lìa tướng. Ba thứ đấng trì này cho đến vô lậu không như thế, phân biệt lậu vô lậu, vô lậu quán đạo đều là hân hành là nhằm quả yếm nên chẳng phải vô lậu. Hỏi hai duyên Thánh đạo chấp không, lý phi thường có thể gọi là nhằm xả Thánh đạo vô tướng vô tướng chỉ

duyên vô vi, làm hành tướng tĩnh sao gọi nhàm đạo?

Đáp ở đây ư! Vô học vô tướng nhân đấng trì không chuyển nên gọi là nhàm đạo nghĩa là định kia khởi tạo thành lời nói. Vô tướng đấng trì không sinh là thiện, đã thích khen ngợi Thánh đạo bất sinh, vì sao không gọi là nhàm xả Thánh đạo. Định Vô tướng ở trước chẳng phải sở duyên này, vì sao đây gọi là vô tướng vô tướng, hoặc nên chấp nhận định này không duyên phi trạch diệt, chỉ duyên Vô học vô tướng bất sinh? Đáp điều này cũng không đúng, y theo trước giải thích đó là phi trạch diệt duyên vô tướng. Phi trạch diệt cũng lia các tướng, vì duyên vô tướng vô tướng, nêu được gọi là vô tướng vô tướng, duyên cảnh vô tướng, tạo hành tướng tĩnh, do đó định này từ cảnh đặt tên.

36. Nói rộng về y thân và nhân y địa:

Chỉ có người ở ba châu cho đến tám bản trung gian, là nói rộng về y thân và nhân y địa, theo luận Chánh Lý chỉ không có thời giải thoát, vì thời giải thoát ái Thánh đạo, nương mười một địa trừ bảy biên trên vì không có đức tốt. Hoặc ở cõi Dục, từ Vị Chí thuộc Thánh đạo hậu khởi, hoặc ở tại hữu đảnh vô sở hữu bao gồm hậu sinh Thánh đạo. Ngoài ra đều tự địa Thánh đạo hậu khởi, xét loại chung mà nói, đây từ pháp loại khổ diệt bốn trí Vô Gian mà sinh, hoặc xét nói riêng thuộc cõi Dục chẳng giống như hậu sinh. Thuộc cõi trên phi pháp hậu khởi, hai thứ trước chẳng phải diệt hậu khởi, thứ ba chẳng giống như hậu sinh, hành tướng hậu khởi định này, đều là khi tận trí do lìa nhiễm đặc, sau do gia hạnh mới khởi hiện ra, chỉ có Đức Thế Tôn ta không do gia hạnh thuận cho đến giải thoát khởi hiện ra này, đối với đạo còn nhàm chán hướng chi ư! thích các cõi. Sau cũng khởi Thánh đạo hiện ra, do suy nghĩ thành, ngoài ra tu do mà thành, vì y định khởi, (như trên là văn luận).

37. Nói về bốn tu:

Khế kinh lại nói bốn tu đấng trì, trở xuống hai hàng tụng là thứ tư nói về bốn tu, danh tự bốn tu lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: cho đến lý thật ra có cả pháp khác, là nói về tu thứ nhất, trước dẫn kinh nói hiện pháp lạc trú, sau giải thích kinh. Nói khéo nhiếp chung tịnh và định vô lậu tu các thiện Tĩnh lự, đó là bốn vô lậu và bốn tịnh, nêu ban đầu hiềm sau, nên kinh chỉ nói sơ Tĩnh lự, không nói là trụ cho đến không trụ, giải thích chung vặn hỏi. Đã tu định này hiện tại trước thọ ly sinh hỷ lạc, sau sinh Phạm Chúng, thọ lạc đồng với đây. Sao không nói trụ hậu pháp lạc, vì hậu pháp lạc chẳng phải định trụ, hoặc lui bèn không thọ, hoặc sinh Vô Sắc v.v... cũng không thọ, hoặc nhập Niết-bàn cũng không thọ, chẳng phải như hiện pháp lạc trú quyết định thọ.

Luận Chánh Lý chép: Xét kỹ đây chỉ nói hiện pháp lạc, vì khiến xả bỏ không hiện dục lạc, nói hiện định lạc, khiến kia ưa thích. Hoặc hiện lạc trú là nương lạc sau, chỉ nói sơ y năng y đã rõ ràng, như trên là văn luận. Nếu nương các định cho đến tri kiến thù thắng, là tu thứ hai, hoặc tu ba cõi cho đến được phân biệt tuệ, là Tu thứ ba. Nếu tu định kim Cương Dụ cho đến nương theo tự nói, là tu thứ tư, tu vô lậu và tịnh định gồm có bốn ý: Một là hiện pháp lạc trú; hai là tri kiến cao siêu; ba là nói rộng về tuệ; bốn là dứt hẳn các lậu. Y theo bốn quả lập bốn tu.

